TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc** ----------

Bản án số: 11/2017/DSST
Ngày: 31/8/2017
V/v:" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Hoàng Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2017/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2017 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST-TCDS ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : **Chị Hoàng Thị N -** Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Đội 6, xã K, huyện T, TP Hải Phòng.

Bị đơn: **Anh Trần Huy T** – sinh năm: 1983

Địa chỉ: Đội 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Đinh.

Tại phiên tòa: Chị N có mặt, anh T vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập phiên tòa lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:

Anh T là giám đốc công ty TNHH một thành viên Trần Huy T. Tháng 8/2015 chị có cho anh T vay số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng ngày 26/8/2015, thời hạn vay là 03 tháng đến hạn là ngày 26/11/2015 anh T phải trả cả gốc và lãi là 9.000.000đ/tháng, khi hết thời hạn vay anh T không trả chị số tiền trên, đã nhiều lần chị đòi tiền nhưng anh T không trả, đến ngày 07/8/2017 anh T có trả cho chị 2.000.000đ, anh T còn nợ chị số tiền là 298.000.000đ, chị đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả cho chị số tiền gốc là 298.000.000đ (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng), chị không yêu cầu tiền lãi và

tiền phạt theo hợp đồng. Việc chị cho anh T vay tiền là qua hợp đồng giữa chị và anh T, vợ anh T không có liên quan gì nên chị không yêu cầu vợ anh T là chị Phạm Thị N trả nợ.

Theo ông Trần Văn T (là bố đẻ anh T) trình bày: Ông có biết việc vay nợ giữa anh T và chị N, nhưng vay nợ từ thời gian nào và với số tiền bao nhiêu thì ông không biết. Khi chị N khởi kiện anh T đến Tòa án ông có nhận được các tài liệu của Tòa án và thông báo cho anh T biết, anh T có biết và nói lại với ông là việc vay nợ giữa anh và chị N thì để anh tự giải quyết với chị N, còn hiện tại anh phải đi làm ăn nên không về Tòa án để giải quyết được.

Tại phiên Toà: Chị N yêu cầu anh T trả cho chị những lần chị đã chuyển tiền vào tài khoản cho anh T vay theo giấy chuyển tiền chị đã giao nộp cho Tòa án cụ thể: Ngày 26/5/2015 chị đã chuyển cho anh T số tiền 250.000.000đ, ngày 02/7/2015 chị đã chuyển cho anh T số tiền là 15.000.000đ, tổng số tiền chị đã chuyển cho anh T vay là 265.000.000đ. Ngày 26/8/2015 chị và anh T ký hợp đồng đáo hạn của số tiền chị đã chuyển cho anh T vay là 265.000.000đ và số tiền lãi mới thành 300.000.000đ (như đơn chị yêu cầu), thời hạn vay là 03 tháng, đến hạn là ngày 26/11/2015 anh T phải trả cả gốc và lãi là 9.000.000đ/tháng, khi hết thời hạn vay anh T không trả chị, mặc dù chị đã đòi anh T nhiều lần. Vì vậy; chị đã có đơn khởi kiện anh T, yêu cầu anh T trả chị số tiền trên, trong thời gian Tòa án giải quyết đến ngày 07/8/2017 anh T đã chuyển tiền vào tài khoản trả chị 2.000.000đ. Nay chị yêu cầu anh T phải trả chị tổng số tiền gốc là 263.000.000đ chị không yêu cầu tiền lãi và tiền phạt theo hợp đồng.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự như đã tiến hành lập hồ sơ để giải quyết vụ án, thông báo cho Viện kiểm sát, tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai ông Vũ Văn T – phó chủ tịch xã T và lấy lời khai ông Trần Văn T bố đẻ anh Trần Huy T để có căn cứ chính xác giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX đảm bảo khách quan không có trường hợp nào phải thay đổi theo yêu cầu của đương sự.

* Việc chấp hành pháp luật với người tham gia tố tụng:

- Đối với đương sự:

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Hoàng Thị N đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS có mặt tại các phiên hòa giải, có lời khai thể hiện quan điểm rõ ràng.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn là ông Trần Huy T đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS không có mặt tại các phiên hòa giải, không có lời khai thể hiện quan điểm của mình thể hiện thái độ thiếu tôn trọng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy báo phiên tòa lần 2, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Với các tài liệu có trong hồ sơ và các lời khai của chị Hoàng Thị N tại phiên tòa chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị N trong việc yêu cầu anh Trần Huy T có nghĩa vụ trả cho chị Ninh 263.000.000đ.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N trong việc không yêu cầu anh T phải trả chị tiền lãi và tiền phạt lãi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N trong việc không yêu cầu chị Phạm Thị N là vợ anh Trần Huy T trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy báo phiên tòa lần 2, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Ngày 26/5/2015 chị Hoàng Thị N có cho anh Trần Huy T vay theo hợp đồng ngắn hạn với số tiền gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng, đến hạn là ngày 26/8/2015 anh T phải trả cả gốc và tiền lãi là 9.375.000đ/tháng. Ngày 26/5/2015 chị N đã chuyển cho anh T số tiền 250.000.000đ, ngày 02/7/2015 chị N đã chuyển cho anh T số tiền là 15.000.000đ. Tổng số tiền chị N đã chuyển cho anh T là 265.000.000đ. Ngày 26/8/2015 chị N và anh T ký hợp đồng vay đáo hạn của số tiền chị N đã chuyển cho anh T vay là 265.000.000đ và số tiền lãi mới thành 300.000.000đ, khi hết thời hạn vay anh T không trả chị N số tiền vay trên, đã nhiều lần chị N đòi nợ nhưng anh T không trả, chị N đã khởi kiện tại Tòa án huyện Trực Ninh, trong thời gian Tòa án giải quyết, anh T trả cho chị N 2.000.000đ vào ngày 07/8/2017. Nay chị N đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả cho chị số tiền gốc chị đã chuyển cho anh T vay là 263.000.000đ (Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng), chị không yêu cầu tiền lãi suất và tiền phạt theo hợp đồng.

Xét yêu cầu của chị Hoàng Thị N đề nghị Tòa án buộc anh Trần Huy T phải trả cho chị số tiền gốc là 263.000.000đ là có căn cứ, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T trả tiền lãi và tiền phạt theo hợp đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của chị N được chấp nhận nên chị N được hoàn trả lại số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí. Anh Trần Huy T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 357; Điều 463; 466; BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N đối với anh Trần Huy T.

Buộc anh Trần Huy T phải có trách nhiệm trả chị Hoàng Thị N số tiền nợ gốc là 263.000.000đ (Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu tiền lãi và tiền phạt theo hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Huy T phải nộp 13.150.000đ (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Hoàng Thị N được trả lại số tiền chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 11.000.000đ theo biên thu tiền số 0000901 ngày 01/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chi Hoàng Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày; Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo Bản án kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu

Nơi nhận:
- TAND. VKSND tỉnh Nam Định: 1bản
- VKSND huyện Trực Ninh: 2 bản
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh: 1 bản
- UBND xã nơi đương sự cư trú: 1 bản
- Đương sự: 4 bản
- Lưu HSVA; VP;